

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14-08-2017

V/v Không công nhận quan hệ
Vợ chồng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà.

Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 14 tháng 08 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 206/2017/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc “ Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Đức T; nơi thường trú: Xóm C, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: Thị trấn H, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị T; nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/07/2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Phan Đức T trình bày:

- Về Hôn nhân: Anh và chị T có tìm hiểu một thời gian, sau đó tổ chức đám cưới vào ngày 17/01/1992 (âl) và về chung sống với nhau (Không đăng ký kết hôn). Anh và chị T sống hạnh phúc được một năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: Do không hợp nhau về tính cách dẫn đến va chạm, xúc phạm nhau, nên Anh đã nhiều lần đánh chị T gây thương tích. Anh và chị T không chung sống từ đầu năm 2014 đến nay.

Nay hai người không còn tình cảm nữa đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung.

Phan Văn S, sinh ngày 16/08/1994.

Phan Văn C, sinh ngày 19/04/1998

Các cháu đã thành niên, có việc làm ổn định.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 03/08/2017 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Võ Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T có tìm hiểu một thời gian, sau đó tổ chức đám cưới ngày 17/01/1992 (âl) và về chung sống với nhau (Không đăng ký kết hôn). Chị và anh T sống hạnh phúc được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh T không chăm lo làm ăn, chỉ biết ăn chơi rượu chè, cờ bạc, hành hung đánh đập Chị nhiều lần gây thương tích nên đến năm 2014 thì hai người không chung sống với nhau nữa.

Nay anh T yêu cầu ly hôn thì Chị cũng nhất trí để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung.

Phan Văn S, sinh ngày 16/08/1994.

Phan Văn C, sinh ngày 19/04/1998

Các cháu đã thành niên, có việc làm ổn định.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

Về Hôn nhân: Anh Phan Đức T và chị Võ Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn từ ngày 17 tháng 01 năm 1992 đến cuối năm 2013. Sau anh T bỏ nhà vào Kon Tum sống cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay anh T, chị T xác định tình cảm giữa hai người không còn nữa và không thể chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết “ ly hôn ”

Xét thấy anh T, chị T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình “ không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Đức T và chị Võ Thị T”.

Về nuôi con chung: Anh T và chị T có 02 con chung là Phan Văn S, sinh ngày 16/08/1994 và Phan Văn C, sinh ngày 19/04/1998. Các cháu đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí : Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Đức T.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Đức T và chị Võ Thị T.

2.Án phí: Anh Phan Đức T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006572 ngày 20 tháng 07 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Y. Anh Phan Đức T đã nộp đủ án phí.

3.Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Phòng kiểm tra NVTAND tỉnh Nghệ An
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ